

ĐÀO XUÂN SÂM, VŨ QUỐC TUẤN (chủ biên). **Đổi mới ở Việt Nam – nhờ lại và suy ngẫm**. H.: Tri thức, 2008, 463tr., Vb 46002.

Tác giả của quá trình đổi mới ở nước ta là ai, điều kiện và thời điểm bắt đầu từ khi nào? Đã tiến hành và tiến triển ra sao? Thành tựu đạt được và sai sót mắc phải? Đang đứng trước những yêu cầu mới và những khả năng mới nào? Cần những chính sách và biện pháp gì để thúc đẩy chặng đường sắp tới? Cuốn sách đã đặt công cuộc đổi mới ở nước ta trong một phạm vi thời gian và không gian rộng một cách thoả đáng, và đã xác định khá thấu đáo vai trò của các tác nhân.

Đi từ khái quát những bước đường đổi mới chuyển sang nền kinh tế thị trường (1979-2007) và bước đột phá về quan điểm phát triển trong Chiến lược 1991-2000, các tác giả đã đề cập đến quá trình đổi mới trên nhiều lĩnh vực cụ thể như: xoá bao cấp qua giá cả; phát triển doanh nghiệp; tạo lập môi trường pháp lý cho kinh doanh ở Việt Nam; hội nhập kinh tế quốc tế; xử lý lạm phát và đổi mới hệ thống ngân hàng; xoá bao cấp qua giá cả; cơ chế “khoán” và “hộ nông dân tự chủ” trong nông nghiệp... Qua đó, các tác giả phân tích quá trình vượt qua khủng hoảng kinh tế để bước vào đổi mới; phân tích động lực chủ yếu của quá trình đổi mới – tinh thần đại đoàn kết dân tộc...

Cuối sách, tác giả tổng hợp một số đặc điểm của quá trình đổi mới ở Việt Nam

HOÀI PHÚC

EDGAR MORIN. **Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai**. H.: Tri thức, 2008, 158tr., Vb 46064.

Là tập cuối trong “Bộ ba sự phạm” (“Bộ óc được đào tạo tốt” và “Nối liền các thi thức”), “Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai” gồm bảy chương, trình bày bảy vấn đề cơ bản, những thi thức tất yếu cho nền giáo dục trong tương lai nhằm thúc đẩy sự triển khai một tri thức với khả năng đáp ứng những thách thức của cuộc sống cá nhân, văn hoá và xã hội của chúng ta.

Chương I: Sự đui mù của nhận thức: sai lầm và ảo tưởng.

Chương II: Những nguyên tắc để có một nhận thức thích đáng.

Chương III: Giảng dạy về hoàn cảnh con người.

Chương IV: Giảng dạy căn cước địa cầu.

Chương V: Đương đầu với những bất xác định.

Chương VI: Giảng dạy sự thông cảm.

Chương VII: Đạo lý của nhân loại.

HÀ CHI

TRẦN THỊ NHUNG. **Đảm bảo xã hội trong nền kinh tế thị trường Nhật Bản hiện nay**. H.: Từ điển bách khoa, 2008, 228tr., Vb 46060.

Chế độ đảm bảo xã hội ở mỗi nước được hình thành dựa trên cơ sở những giá trị văn hoá, đặc điểm dân tộc và phản ánh chế độ xã hội, hoàn cảnh kinh tế và những điều kiện chính trị của dân tộc đó. Chế độ đảm bảo xã hội giữa các nước có sự khác nhau về cơ chế dịch vụ hay lợi ích mà người dân được hưởng. Tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề đảm bảo xã hội ở các nước, trong đó có Nhật Bản - đất nước mang nặng yếu tố truyền thống phương Đông, nhằm rút ra những bài học kinh

nghiệm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn phát triển hiện nay đối với Việt Nam. Nội dung sách được chia thành 4 chương.

Chương I, Hiểu biết về đảm bảo xã hội Nhật Bản: định nghĩa và những thay đổi cơ bản trong môi trường đảm bảo xã hội. Tác giả làm rõ sự ảnh hưởng của những đặc điểm của nền kinh tế thị trường đến vấn đề đảm bảo xã hội, phân tích mô hình nhà nước phúc lợi trong nền kinh tế thị trường Nhật Bản cũng như những nét riêng của Nhật Bản trong việc giải quyết các vấn đề phúc lợi xã hội.

Chương II, Đảm bảo thu nhập, phân tích các chính sách hưu trí và bảo hiểm

việc làm của Nhật bản theo quá trình lịch sử.

Chương III, Bảo hiểm chăm sóc sức khoẻ, tập trung phân tích các chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm chăm sóc lâu dài, đồng thời chỉ ra những mặt hạn chế còn phải tiếp tục giải quyết để duy trì, hoàn thiện các chính sách đáp ứng tốt hơn với nhu cầu đòi hỏi của xã hội.

Chương IV, Trợ giúp xã hội, đề cập đến vấn đề trợ giúp công cộng và các kiểu dịch vụ phúc lợi xã hội đa dạng, chủ yếu là những nguyên tắc, cơ chế của trợ giúp công cộng dành cho người nghèo; các dịch vụ phúc lợi xã hội dành cho bà mẹ, trẻ em, người tàn tật, người già.

HIỂN LY

(tiếp theo trang 60)

Phát biểu tại Hội thảo, đại diện UNESCO tại Việt Nam đã khẳng định: Bảo tồn di sản vật thể và phi vật thể là hai trụ cột quan trọng không thể tách rời trong nỗ lực thúc đẩy sự đa dạng văn hoá trên thế giới, trong đó Huế là một ví dụ điển hình không chỉ bó hẹp trong các di tích mà còn gắn kết các di tích, kiến trúc xây dựng với ý nghĩa phi vật thể liên quan. Cần tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý và bảo vệ di sản, nhận thức đầy đủ những giá trị của di sản để hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững của Thừa Thiên Huế.

Tại Hội thảo, các đại biểu thống nhất ở một số điểm: thứ nhất, cần sớm thiết lập “Quy hoạch tổng thể của đô thị Huế” nhằm đáp ứng nhu cầu của công tác bảo tồn di sản và kết hợp phát triển hài hoà đô thị và vùng di sản Huế; thứ hai, giá trị nổi bật của di sản Huế đang được UNESCO yêu cầu mở rộng phạm vi đến các cảnh quan và môi trường liên quan, do đó cần có sự quan tâm đặc biệt khi quy hoạch và phát triển đô thị Huế; thứ ba, vấn đề phân công, phân cấp

quản lý di tích vẫn còn nhiều bất cập. Công tác bảo tồn tu bổ di tích nói chung và di tích Huế nói riêng mang nhiều tính đặc thù, nên cần phải có thêm hoặc điều chỉnh những chính sách đặc thù dành cho một khu di tích đặc biệt (chính sách bảo vệ hệ thống nhà vườn, các quy định riêng về bảo tồn và trùng tu di tích Huế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, chính sách với nghệ nhân, ưu đãi về vốn, về tín dụng...); thứ tư, nguồn nhân lực có chuyên môn cao (về nghiên cứu lịch sử, văn hoá, âm nhạc truyền thống, thiết kế bảo tồn, lập dự án và giám sát thi công, cảnh quan môi trường, hoá nghiệm bảo tồn...) để đáp ứng cho công cuộc bảo tồn di sản Huế trong thời kỳ mới sẽ vẫn còn rất thiếu so với nhu cầu nếu Huế được đầu tư lớn hơn cho bảo tồn di sản; và thứ năm, vẫn còn hạn chế về hệ thống công nghệ thông tin để lưu trữ và phân tích, xử lý tư liệu nhằm phục vụ hiệu quả công tác bảo tồn và quản lý di sản; về công tác quảng bá giá trị di sản Huế qua phương tiện truyền thông công nghệ cao.

VÂN HÀ